

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 12-9-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Như Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Hóa;

Ông Tạ Kỳ Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố HB, phường AH, thị xã TB, tỉnh TN - Có mặt.

**Bị đơn:** Anh Trần Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN- Vắng mặt có đơn xin.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy A trình bày:* Chị và anh B chung sống từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa ngày 28-7-2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình bên chồng tại khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác chị giận bỏ về nhà cha mẹ sống, sau đó vì thương con nên chị quay về sống chung nhưng vợ chồng lại thường xuyên cãi vã nhau. Đến năm 2016, sau khi cãi vã nhau anh B đuổi chị đi và chị bỏ về nhà cha mẹ sống đến nay. Trong thời gian ly thân vợ

chồng không ai có thiện chí hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nên nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 09-6-2009, Trần Thị Thùy L, sinh ngày 15-10-2012; hiện nay hai cháu đang sống cùng anh B. Sau khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của con, theo ai người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

*Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn B trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án:* Anh thống nhất lời trình bày của chị A về ngày tháng chung sống, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân là đúng. Anh và chị A đã ly thân hơn 05 năm nay.

Nay anh đồng ý ly hôn. Về con chung: anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của giữa chị A với anh B.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Trần Thị Thùy D, sinh ngày 09-6-2009 và cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 15-10-2012 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: anh B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị A và anh B chung sống từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa ngày 28-7-2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân mâu

thuần do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm, dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã nhau. Hai người đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay cả chị A và anh B đều có yêu cầu được ly hôn. Từ đây cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Trần Thị Thùy D, sinh ngày 09-6-2009 và cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 15-10-2012. Xét thấy hiện nay cháu D và cháu L đang sống với anh B, qua làm việc hai cháu có nguyện vọng được sống cùng cha và chị A cũng đồng ý giao con cho anh B nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D và cháu L là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh B không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy A với anh Trần Văn B. Chị Nguyễn Thị Thùy A được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Thị Thùy D, sinh ngày 09-6-2009 và cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 15-10-2012 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu.

- Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026472 ngày 03-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (chị A đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường An Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Hà Như Thủy**